

Số: 67/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Nuôi trồng thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Học viện đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 67/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | |
| Tiêu chuẩn 1 | | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chuẩn 7 | | 4.20 | 5 | 100% | |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | | Tiêu chí 7.1 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 3 | | | | Tiêu chí 7.2 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | Tiêu chí 7.3 | 4 | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | 3.67 | 2 | 66.67% | Tiêu chí 7.4 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | | | | Tiêu chí 7.5 | 5 | | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | | Tiêu chuẩn 8 | | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | 4.00 | 3 | 100% | Tiêu chí 8.1 | 4 | 4.20 | 5 | 100% | |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | | Tiêu chí 8.2 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | | Tiêu chí 8.3 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 4 | | | | Tiêu chí 8.4 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.5 | 5 | | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | 4.33 | 3 | 100% | Tiêu chuẩn 9 | | 4.00 | 3 | 60% | |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | | Tiêu chí 9.1 | 5 | | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 5 | | | | Tiêu chí 9.2 | 3 | | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | Tiêu chí 9.3 | 5 | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | 3.80 | 4 | 80% | Tiêu chí 9.4 | 3 | | | | 4.17 |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | | Tiêu chí 9.5 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 10 | | | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | | Tiêu chí 10.1 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | | Tiêu chí 10.2 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | Tiêu chí 10.3 | 4 | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | 4.29 | 7 | 100% | Tiêu chí 10.4 | 5 | 4.20 | 5 | 100% | |
| Tiêu chí 6.1 | 5 | | | | Tiêu chí 10.5 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | | Tiêu chí 10.6 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 11 | | | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | | Tiêu chí 11.1 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | | Tiêu chí 11.2 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | | Tiêu chí 11.3 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 5 | | | | Tiêu chí 11.4 | 5 | | | | |
| | | | | | Tiêu chí 11.5 | 4 | | | | |
| Đánh giá chung CTĐT | | Số tiêu chí đạt | | | Tỉ lệ số tiêu chí đạt | | | | | |
| | | 45 | | | 90% | | | | | |

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

*(Kèm theo Nghị quyết số: 67/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học và sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được các năng lực cốt lõi của người tốt nghiệp trong lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản, được cập nhật trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan, tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam và tham khảo CTĐT của một số cơ sở giáo dục đại học có uy tín. Bản mô tả CTĐT thể hiện được các thông tin cơ bản về CTĐT. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật bổ sung kiến thức và hệ thống các rubrics đánh giá kết quả học tập của người học. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh tiếp cận theo chuẩn đầu ra, có tham khảo CTĐT của một số cơ sở giáo dục có uy tín và ý kiến của các bên liên quan. Cấu trúc của chương trình dạy học có tính logic; tổ hợp các phương pháp giảng dạy, hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra. Mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Học viện và của Khoa được xác định rõ ràng, được chuyển tải vào CTĐT. Các phương pháp giảng dạy và học tập được thiết kế và thực hiện khá đa dạng với nhiều hoạt động để hỗ trợ người học rèn luyện năng lực tự học suốt đời. Quy định và hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành đầy đủ và phổ biến đến giảng viên và người học để thực hiện; phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, người học dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được chú trọng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT; giảng viên có trình độ cao, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt; kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt được cao; đào tạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nhân viên được quan tâm thực hiện và ghi nhận; cán bộ hỗ trợ và nhân viên nhiệt huyết, có tinh thần cống hiến. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, cập nhật hàng năm. Hoạt động giám sát kết quả học tập và tư vấn, hỗ trợ người học được chú trọng; môi trường tâm lý, cảnh quan sư phạm thuận lợi cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành và khu thí nghiệm được đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên được tổ chức có nền nếp và chuyên nghiệp; sinh viên đạt một số giải thưởng cấp Học viện, giải thưởng VIFOTEC, Tài năng Việt Nam. Tỷ lệ sinh viên có việc làm cao, đặc biệt trong khu vực có yếu tố nước ngoài và tự tạo việc làm.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả



thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Điều chỉnh để thể hiện rõ hơn mục tiêu đào tạo người tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cụ thể nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và đảm bảo phát triển bền vững. Rà soát chuẩn đầu ra để thể hiện nhất quán và logic với mục tiêu của CTĐT; thiết kế để các chỉ báo của chuẩn đầu ra thể hiện được các biểu hiện của các năng lực cụ thể của chuẩn đầu ra. Cải tiến hoạt động khảo sát đảm bảo hiệu quả hơn, phù hợp với đối tượng khảo sát. Việc tham khảo đối sánh CTĐT của các cơ sở giáo dục khác cần thực hiện bài bản, khoa học hơn trên cơ sở phân tích các năng lực cốt lõi trong chuẩn đầu ra của CTĐT để cải tiến chất lượng CTĐT.

2. Quán triệt đến các bên liên quan về ý nghĩa của Bản mô tả CTĐT; bổ sung đầy đủ các thông tin cần thiết để hướng dẫn thực hiện CTĐT đồng thời quảng bá hiệu quả hơn về CTĐT. Bổ sung học phần thực tập tốt nghiệp trong CTĐT. Điều chỉnh, cập nhật đề cương học phần để: đảm bảo các thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần phù hợp, tương thích với chuẩn đầu ra của CTĐT; thể hiện rõ ràng và cụ thể hơn các thông tin hướng dẫn dạy - học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; thống nhất khái niệm về chuẩn đầu ra và kết quả học tập mong đợi. Rà soát, cập nhật thông tin đăng tải về Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp cận về CTĐT.

3. Rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học: bổ sung học phần thực tập tốt nghiệp; điều chỉnh hợp lý một số học phần giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành; bổ sung các học phần tự chọn để đảm bảo tính logic, linh hoạt. Nghiên cứu điều chỉnh hợp lý thời lượng học phần tiếng Anh trong CTĐT, đồng thời tổ chức các hoạt động câu lạc bộ hiệu quả để tăng cường năng lực ngoại ngữ cho người học đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập.

4. Có hướng dẫn chuyển tải nội dung triết lý giáo dục trong việc thiết kế CTĐT. Rà soát cập nhật đề cương học phần các thông tin mang tính hướng dẫn để người học chủ động trong việc học tập, nghiên cứu. Tăng cường các học phần dự án để khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm và khu thực hành tạo ra các sản phẩm có thể thương mại hóa và hỗ trợ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa. Thiết kế cụ thể hoạt động hướng dẫn sinh viên tự học và đánh giá kết quả tự học của người học. Nghiên cứu xây dựng quy định/hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các phương pháp dạy và học tích cực nhằm hướng đến đạt chuẩn đầu ra. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, cải tiến chất lượng mạng internet/wifi; tăng cường các học liệu số và tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận trong học tập và nghiên cứu.

5. Bổ sung các quy định/hướng dẫn thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra; xây dựng quy định ma trận ngân hàng câu hỏi/đề thi theo chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra học phần một cách khoa học hơn. Việc thiết kế các câu hỏi thi cần dựa trên chuẩn đầu ra của các học phần (theo trọng số và mức độ nhận thức) để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy của đề thi theo chuẩn đầu ra của học phần. Tập huấn cho đội ngũ giảng viên về kỹ thuật thiết kế các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra học phần, kỹ thuật hướng tới đóng góp cho chuẩn đầu ra của CTĐT. Áp dụng khoa học đo lường và đánh giá để

HỘI ĐỒNG KIẾN NGHỊ

thực hiện rà soát, đánh giá các kết quả thi để đánh giá được độ tin cậy của đề thi, làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đề thi.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: cụ thể yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; tiếp tục hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để áp dụng đánh giá thống nhất trong toàn Học viện, trong đó có ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có quy định, hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng và thực hiện chỉ số theo dõi nhiệm vụ này theo các loại hình cụ thể đối với giảng viên; hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá gắn với tự chủ để thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác, kết nối địa phương, doanh nghiệp và các nghiên cứu liên ngành, ứng dụng để chuyển giao, thương mại hóa, phát huy được tiềm năng của CTĐT.

7. Quan tâm xây dựng phát triển đội ngũ cố vấn học tập bao gồm hoàn thiện văn bản quy định, tiêu chuẩn tuyển chọn và cách thức tổ chức hoạt động; khuyến khích giảng viên trẻ tham gia công việc hành chính của Khoa nhằm giảm tải công việc cho các trợ lý, tiến tới cân đối tỷ lệ nhân viên phục vụ hỗ trợ. Sớm hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết, có tính phân loại cao. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm phù hợp.

8. Rà soát tiêu chí và phương thức tuyển sinh một cách bài bản; lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời thực hiện khảo sát về nhu cầu nhân lực và phân tích, dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành đào tạo. Có biện pháp hỗ trợ tích cực để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học vụ. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm thực tế, các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng mềm và tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học cho sinh viên.

9. Tăng cường chuyên đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và phần mềm hỗ trợ quản trị toàn Học viện trên cơ sở kết nối các phần mềm và cơ sở dữ liệu riêng biệt để đáp ứng yêu cầu quản trị đại học tiên tiến; đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống máy chủ cấu hình mạnh, đường truyền và thiết bị công nghệ thông tin hiện đại. Thường xuyên bổ sung, cập nhật nguồn học liệu cho thư viện, có kế hoạch đầu tư và khai thác thư viện điện tử, mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập, nhất là bản quyền truy cập các tạp chí chuyên ngành quốc tế để tăng khả năng tra cứu trực tuyến.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; sớm xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá; khai thác triệt để kết quả kiểm tra đánh giá để cải tiến đảm bảo quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan; tiếp tục chuẩn hoá các công cụ khảo sát để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Quan tâm chỉ số quan trọng về thời gian tốt nghiệp và có các giải pháp để cải tiến tỉ lệ tốt nghiệp và tốt nghiệp trước thời hạn. Phát huy ưu thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ và chuyển đổi số để cải tiến mô hình đào tạo, rút ngắn thời gian tốt nghiệp, tạo điều kiện cho các sinh viên có nhu cầu và có khả năng học tập theo lộ trình riêng và tự tạo việc làm.

Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên cần kết nối và tích hợp với việc kiến tạo cho sinh viên khởi nghiệp.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Nuôi trồng thủy sản gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.


